

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Contactor, Easy TeSys Control, LC1E, 3P(3NO), AC-3, $\leq 440\text{V}$, 18A, 24V AC coil, 50Hz, 1NO auxiliary contact

LC1E1810B5

Main

| | |
|--------------------------------|--|
| Range | Easy TeSys |
| Range of product | Easy TeSys Control |
| product or component type | Contactor |
| Device short name | LC1E |
| contactor application | Resistive load Motor control |
| Utilisation category | AC-1 AC-3 |
| poles description | 3P |
| [Ue] rated operational voltage | Power circuit: $\leq 690\text{ V AC } 50/60\text{ Hz}$ |
| [Ie] rated operational current | 32 A (at $\leq 55\text{ }^\circ\text{C}$) at $\leq 415\text{ V AC AC-1}$ for power circuit 18 A (at $\leq 55\text{ }^\circ\text{C}$) at $\leq 440\text{ V AC AC-3}$ for power circuit |
| [Uc] control circuit voltage | 24 V AC 50 Hz |

Complementary

| | |
|---|--|
| Motor power kW | 4 kW at 220...230 V AC 50/60 Hz 7.5 kW at 380...400 V 9 kW at 415 V 9 kW at 440 V 10 kW at 500 V 10 kW at 660...690 V |
| Pole contact composition | 3 NO |
| [Ith] conventional free air thermal current | 32 A (at $55\text{ }^\circ\text{C}$) |
| Irms rated making capacity | 180 A at 440 V AC for power circuit conforming to IEC 60947-4-1 |
| Rated breaking capacity | 144 A at 440 V for power circuit conforming to IEC 60947 |
| [Icw] rated short-time withstand current | 145 A $40\text{ }^\circ\text{C}$ - 10 s for power circuit 84 A $40\text{ }^\circ\text{C}$ - 60 s for power circuit 40 A $40\text{ }^\circ\text{C}$ - 600 s for power circuit |
| Associated fuse rating | 10 A gG at $\leq 690\text{ V}$ coordination type 1 for control circuit conforming to IEC 60947-5-1 35 A gG at $\leq 690\text{ V}$ coordination type 1 for power circuit |
| Average impedance | 2.5 mOhm - Ith 32 A 50 Hz for power circuit |
| Power dissipation per pole | 0.81 W AC-3 2.6 W AC-1 |
| [Ui] rated insulation voltage | 690 V conforming to IEC 60947-4-1 |
| Overvoltage category | III |
| Pollution degree | 3 |

| | |
|---|--|
| [Uimp] rated impulse withstand voltage | 6 kV coil not connected to the power circuit conforming to IEC 60947 |
| Mechanical durability | 1000000 cycles |
| Electrical durability | 300000 cycles AC-1 1200000 cycles AC-3 |
| Control circuit type | AC at 50 Hz |
| Control circuit voltage limits | 0.85...1.1 U _c (-5...55 °C):operational 50 Hz 0.3...0.6 U _c (-5...55 °C):drop-out 50 Hz |
| Inrush power in VA | 95 VA 50 Hz cos phi 0.75 (at 20 °C) 95 VA 60 Hz cos phi 0.75 (at 20 °C) |
| Hold-in power consumption in VA | 8.3 VA 50 Hz cos phi 0.3 (at 20 °C) 8.5 VA 60 Hz cos phi 0.3 (at 20 °C) |
| Heat dissipation | 2...3 W for control circuit |
| Operating time | 12...22 ms on closing 4...19 ms on opening |
| Maximum operating rate | 1800 cyc/h 60 °C |
| Connections - terminals | Power circuit: screw clamp terminals 1 1...4 mm ² - cable stiffness: flexible with cable end Power circuit: screw clamp terminals 2 1...2.5 mm ² - cable stiffness: flexible with cable end Control circuit: screw clamp terminals 1 1...4 mm ² - cable stiffness: flexible without cable end Control circuit: screw clamp terminals 2 1...4 mm ² - cable stiffness: flexible without cable end Control circuit: screw clamp terminals 1 1...4 mm ² - cable stiffness: flexible with cable end Control circuit: screw clamp terminals 2 1...2.5 mm ² - cable stiffness: flexible with cable end Control circuit: screw clamp terminals 1 1...4 mm ² - cable stiffness: solid without cable end Control circuit: screw clamp terminals 2 1...4 mm ² - cable stiffness: solid without cable end Power circuit: screw clamp terminals 1 1.5...6 mm ² - cable stiffness: solid without cable end Power circuit: screw clamp terminals 2 1.5...6 mm ² - cable stiffness: solid without cable end |
| Tightening torque | Power circuit: 1.2 N.m Control circuit: 1.2 N.m |
| Auxiliary contact composition | 1 NO |
| Minimum switching voltage | 17 V for control circuit |
| Minimum switching current | 5 mA for control circuit |
| Insulation resistance | > 10 MOhm for control circuit |
| Non-overlap time | 1.5 ms on energisation guaranteed between NC and NO contact 1.5 ms on de-energisation guaranteed between NC and NO contact |
| mounting support | Plate DIN rail |

Environment

| | |
|--------------------------------|--|
| Standards | IEC 60947-5-1 IEC 60947-4-1 IEC 60947-1 |
| Product certifications | EAC CE |
| IP degree of protection | IP2X conforming to IEC 60529 |
| Protective treatment | TH (pollution degree 3) conforming to IEC 60068-2-30 test Db |

| | |
|--|---|
| Permissible ambient air temperature around the device | -20...70 °C at Uc -60...80 °C storage -5...55 °C operation |
| Operating altitude | 3000 m without derating |
| Fire resistance | 850 °C conforming to IEC 60695-2-1 |
| Mechanical robustness | Vibrations contactor open (1.5 Gn, 5...300 Hz) Vibrations contactor closed (3 Gn, 5...300 Hz) Shocks contactor open (7 Gn for 11 ms) Shocks contactor closed (10 Gn for 11 ms) |
| Height | 74 mm |
| Width | 45 mm |
| Depth | 80 mm |
| net weight | 0.3 kg |

Packing Units

| | |
|-------------------------------------|-----------|
| Unit Type of Package 1 | PCE |
| Number of Units in Package 1 | 1 |
| Package 1 Height | 8.600 cm |
| Package 1 Width | 5.000 cm |
| Package 1 Length | 7.500 cm |
| Package 1 Weight | 346.900 g |
| Unit Type of Package 2 | S02 |
| Number of Units in Package 2 | 36 |
| Package 2 Height | 15.000 cm |
| Package 2 Width | 30.000 cm |
| Package 2 Length | 40.000 cm |
| Package 2 Weight | 12.924 kg |

Contractual warranty

| | |
|-----------------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|-----------------|-----------|

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhân sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch **RoHS/REACH**

Hiệu suất sức khỏe

Reach Free Of Svhc

Toxic Heavy Metal Free

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation [REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive [Compliant](#)
[EU RoHS Declaration](#)

China Rohs Regulation [China RoHS declaration](#)

Environmental Disclosure [Product Environmental Profile](#)

Weee [The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins](#)

Circularity Profile [End of Life Information](#)